

YÊU CẦU QUY HOẠCH NGUỒN NHÂN LỰC CHO CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀ NGUYỆN VỌNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH PHỔ THÔNG TẠI TỈNH TUYÊN QUANG

ThS. NGUYỄN VĂN SƠN
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tuyên Quang

1. Đặt vấn đề

Việc xác định phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những khâu có tính chất đột phá để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang, nhằm đưa Tuyên Quang sớm thoát khỏi tình trạng kém phát triển, phấn đấu trở thành một tỉnh phát triển khá trong khu vực miền núi phía Bắc. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang khóa XV đã có Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 13 tháng 5 năm 2011 về Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020.

Hiện nay, việc phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phải dựa trên nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, gắn kết chặt chẽ với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương. Tỉnh Tuyên Quang đã xác định lấy giáo dục phổ thông, đào tạo nghề làm nền tảng cho việc phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

2. Về vấn đề quy hoạch nguồn nhân lực của tỉnh

Tuyên Quang là tỉnh có nguồn nhân lực khá dồi dào và đang ở giai đoạn phát triển cao trong độ tuổi lao động. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi từ 16 - 60 chiếm 65,5% tổng dân số. Cùng với sự phát triển nền kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỉ trọng lao động nông nghiệp, tăng dần tỉ trọng lao động trong công nghiệp, dịch vụ. Tỷ lệ lao động đào tạo được nâng dần lên. Thống kê trong năm năm gần đây cho thấy:

Bảng 1: Chất lượng lao động năm 2005 và năm 2010

Nội dung	Năm 2005	Năm 2010
Tỉ lệ lao động qua đào tạo	20%	31,5%
Trong đó tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề	9,15%	17,5%

Tỉnh đặt ra mục tiêu phấn đấu từ nay đến năm 2015 và tiếp theo đến năm 2020, cơ cấu nhân lực trong các ngành kinh tế của tỉnh như sau:

Bảng 2: Cơ cấu nhân lực cho các ngành kinh tế năm 2015 và năm 2020

Nội dung	Năm 2015	Năm 2020
Lao động trong nông, lâm, thủy sản	70%	63%
Lao động trong công nghiệp, xây dựng	15,5%	19,5%
Lao động trong các ngành dịch vụ	14,5%	17,5%

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thì bắt buộc phải thông qua đào tạo, trong đó đào tạo nghề phải được chú trọng. Tỉnh đặt ra chỉ tiêu đào tạo nhân lực cho các ngành kinh tế trong 5, 10 năm gần đây như sau:

Bảng 3: Chỉ tiêu đào tạo nguồn nhân lực đến năm 2015 và năm 2020

Nội dung	Năm 2015	Năm 2020
Tỉ lệ lao động qua đào tạo	45%	60%
Trong đó qua đào tạo nghề	27%	37%
Cơ cấu đào tạo		
Lao động trong nông, lâm nghiệp, thủy sản	31,5%	37,8%
Lao động trong công nghiệp, xây dựng	7%	11,7%
Lao động trong dịch vụ	6,5%	10,5%

Đối với trình độ nhân lực trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được xác định:

Bảng 4: Yêu cầu nâng cao trình độ cán bộ, công chức đến năm 2015 và năm 2020

Nội dung	Năm 2015	Năm 2020
Cán bộ, công chức cấp xã có trình độ trung cấp	95%	100%
Trong đó có trình độ chuyên môn cao đẳng, đại học	50%	60%
Cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ cao đẳng, đại học	100%	100%
Trong đó có trình độ trên đại học (trên chuẩn)	7%	30%

3. Nguyên vọng nghề nghiệp của học sinh phổ thông

Xác định giáo dục là nền tảng cho đào tạo nguồn nhân lực. Trong đó, số học sinh hết cấp trung học phổ thông (THPT) là sản phẩm của giáo dục phổ thông trực tiếp là nguồn nhân lực góp phần thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương. Nghiên cứu sự phân luồng của học sinh cuối cấp trung học cơ sở (THCS) và THPT để có thể thấy được sự phù hợp giữa nguyên vọng nghề nghiệp của cá nhân học sinh với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ở cấp THCS, thống kê trong một số năm gần đây cho thấy phần lớn học sinh sau khi tốt nghiệp THCS đã vào học tiếp THPT, một phần theo học hệ bổ túc THPT, số học sinh vào các trường trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), học nghề rất ít.

Bảng 5: Phân luồng học sinh THCS từ năm 2007-2010

Nội dung	Năm học 2007-2008	Năm học 2008-2009	Năm học 2009-2010
Số học sinh tốt nghiệp THCS	14.409	13.908	12.193
Tỉ lệ học sinh vào học THPT	81,51%	83,77%	86,54%
Tỉ lệ học sinh vào học TCCN, học nghề	4,40%	6,68%	5,50%
Tỉ lệ học sinh trực tiếp tham gia lao động sản xuất	7,10%	7,82%	7,56%

Nghiên cứu ở cấp THPT cho thấy, số học sinh lớp 12 và số học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm của tỉnh, số học sinh đăng kí dự thi và số học sinh trúng tuyển vào các trường cao đẳng, đại học, TCCN như bảng 6.

4. Kết luận

Từ những thống kê trên, có thể rút ra một số điểm về sự phù hợp giữa quy hoạch nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang với nguyên vọng nghề nghiệp của học sinh phổ thông như sau:

1/. Theo tinh thần Nghị quyết 02-NQ/TU thì quy

hoạch nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020 là tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng cao. Trong lĩnh vực nguồn nhân lực cho phát triển các ngành kinh tế, tập trung vào ba lĩnh vực là kinh tế nông, lâm nghiệp, thủy sản, kinh tế công nghiệp, xây dựng và kinh tế du lịch (bảng 2, 3).

2/. Sự phân luồng học sinh THCS cho thấy học sinh sau tốt nghiệp THCS phần lớn vào học các trường THPT (khoảng 80%). Số học sinh về địa phương trực tiếp tham gia lao động sản xuất chỉ khoảng 7%. Số học sinh đi học TCCN, học các trường nghề còn thấp hơn, khoảng trên 5% (bảng 5). Trong khi đó, yêu cầu lao động qua đào tạo của các ngành kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp, xây dựng có thể đào tạo từ học sinh sau tốt nghiệp THCS kết hợp nâng cao trình độ văn hóa.

3/. Học sinh sau khi tốt nghiệp THPT đa số có nguyên vọng thi đại học, cao đẳng, có em thi đi thi lại nhiều lần, không hề căn cứ vào khả năng học tập của bản thân. Số liệu cho thấy nhiều năm số học sinh đăng kí thi đại học, cao đẳng nhiều hơn số học sinh tốt nghiệp THPT vài nghìn em (bảng 6). Kết quả số học sinh trúng tuyển vào đại học, cao đẳng không vượt quá 20%. Nghiên cứu về căn cứ để học sinh ghi nguyên vọng các ngành dự thi đại học, cao đẳng phần lớn chỉ là ý thích cảm tính của học sinh và gia đình; rất ít học sinh cho rằng nguyên vọng của các em căn cứ vào yêu cầu nguồn nhân lực của địa phương. Vì vậy, số học sinh sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng về địa phương phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh chưa nhiều.

4/. Về công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT, ngành Giáo dục và đào tạo của tỉnh đã chú ý chỉ đạo các trường THPT thực hiện công tác này. Trong ba năm (2007 - 2010) các trường THPT đã kết hợp với Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp tổ chức tư vấn, hướng nghiệp cho 28 nghìn học sinh. Sở Giáo dục và Đào tạo cũng đã tập huấn cho 282 giáo viên THPT về phương pháp tổ chức hoạt động hướng nghiệp cho học sinh. Tuy nhiên, đó mới là những con số thống kê, còn nội dung và tác động hướng nghiệp cho học sinh đã xuất phát từ yêu cầu

Bảng 6: Số học sinh THPT, nguyên vọng thi cao đẳng, đại học và kết quả

Nội dung	Năm học 2007-2008	Năm học 2008-2009	Năm học 2009-2010	Năm học 2010-2011	Năm học 2011-2012
Số học sinh lớp 12	13.043	8.720	8.880	9.247	8.228
Số học sinh tốt nghiệp THPT	10.627	7.146	8.557	9.214	8.168
Tỉ lệ % tốt nghiệp THPT	79,29	81,67	96,36	99,67	99,34
Số đăng kí thi cao đẳng, đại học	10.474	10.958	11.105	10.954	9.339
Số trúng tuyển cao đẳng, đại học	1.528	1.693	1.378	1.899	x
Số đăng kí thi TCCN	2006	1860	2100	2100	x
Số trúng tuyển TCCN	1513	1400	1758	1954	x

quy hoạch nguồn nhân lực của tỉnh hay chưa mới quan trọng.

Nguyện vọng nghề nghiệp rất hệ trọng đối với việc vào đời của học sinh. Nguyện vọng đó được giáo dục, định hướng để phù hợp với năng lực sở trường của cá nhân học sinh, phù hợp với yêu cầu quy hoạch nguồn nhân lực vì sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương là rất quan trọng. Thực tế trong thời gian qua sự phù hợp đó chưa cao, cần phải có sự nghiên cứu và đề xuất những giải pháp phù hợp nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp định hướng nguyện vọng nghề nghiệp của học sinh phù hợp với năng lực của cá nhân học sinh và đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XIV nhiệm kỳ 2005 - 2010.*
2. *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XV nhiệm kỳ 2011 - 2015.*
3. *Báo cáo tổng kết 3 năm thực hiện nghị quyết số*

07- NQ/TU ngày 20/6/2007 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đến năm 2010.

4. *Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 13 tháng 5 năm 2011 về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020.*

5. *Các báo cáo tổng kết năm học 2006 - 2007, năm học 2007 - 2008, năm học 2008 - 2009, năm học 2009 - 2010, năm học 2010 - 2011 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang.*

SUMMARY

The article has presented key statistics on human resources planning in support of the requirement for socio-economic development and of occupational desires among general students in Tuyen Quang province. Based on this, the author has made some conclusions in respect of the match between occupational desires among general students and the human resources planning in the host province.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NHÓM... (Tiếp theo trang 46)

điều hành e - kíp chỉ huy hoạt động theo chức năng để giải quyết tình huống.

Với cách dạy học theo nhóm đóng vai này, sinh viên sẽ quên đi mình đang là người học mà sẽ cảm thấy mình đang làm người chỉ huy, đang giải quyết các vấn đề của thực tiễn đời sống hoặc những vấn đề nóng bỏng của đất nước trên cương vị hiện tại hoặc sẽ đảm nhiệm trong tương lai.

Tóm lại, với cách thức tổ chức trên, dạy học nhóm tạo được bầu không khí dân chủ, cởi mở, thoải mái, thúc đẩy hiệu quả hoạt động nhận thức, phát triển tư duy, sáng tạo và các kĩ năng xã hội cho người học; giúp hình thành các kĩ năng tham gia thực hành xã hội một cách đầy đủ hơn so với các hình thức dạy học khác, nhất là kĩ năng giao tiếp, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng hiệp đồng tập thể, kĩ năng thực hành.

Để nâng cao hiệu quả của phương pháp dạy học nhóm, đối với người dạy, ngoài nắm vững nội dung môn học cần nắm vững yêu cầu về phương pháp dạy học nhóm và khả năng vận dụng phương pháp này kết hợp linh hoạt sáng tạo với các phương pháp dạy học khác. Dạy học nhóm bao gồm nhiều phương pháp cụ thể như: phương pháp thảo luận nhóm nhỏ, phương pháp thảo luận có khống chế, phương pháp thảo luận tự do, phương pháp dự án, phương pháp thảo luận từng bước... Người dạy cần lựa chọn và sử dụng phương pháp chủ đạo phù hợp với nội dung và đặc điểm người học, vừa sức với người học nhằm kích thích được tính tích cực cũng như sức mạnh tiềm năng của mỗi sinh viên và cả nhóm.

Các trường đại học cần có những đề án nghiên cứu vận dụng dạy học nhóm vào các môn học cụ thể; cần có tài liệu hướng dẫn về dạy học nhóm để người dạy nghiên cứu vận dụng; quan tâm tổ chức bồi dưỡng nâng cao tri thức và kĩ năng tổ chức dạy học nhóm cho người dạy, đồng thời, hướng dẫn người học nắm vững kĩ năng học tập theo nhóm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. John Burke, *Competency Based Education and Training*, The Falmer Press; Taylor & Francis Inc: 1900 Frost road, suite 101, Bristol, PA 19007, 1989.
2. Jean - Mark Denomme & Roy, *Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác*, NXB Thanh Niên, Hà Nội, 2000.
3. James L. Moseley và Joan Conway Dessinger, *Training older workers and learners*, NXB John Wiley & Sons, 2007.
4. Phan Thị Hồng Vinh, *Phương pháp dạy học Giáo dục học*, NXB Đại học Sư Phạm, H, tr.136-140, 2007.
5. TS. Lê Hồng Thái, *Nâng cao chất lượng bài giảng theo hướng tăng cường tổ chức dạy học nhóm*, Thông tin khoa học và huấn luyện, Học viện Hải quân, Số 03, tháng 09.2009, tr.5.

SUMMARY

The article mentions the group teaching methods in our country's universities. Its author mentions the way to learning groups should be organized in lecture hall, including discussion groups, presentation groups, critique groups and role-playing groups.